

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH  
THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

---

Khánh Hòa, tháng 3 năm 2023

## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 30

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 1. Công ty

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023 là 2.825.998.692.626 VND (Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA IRRIGATION EXPLOITATION COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA.

### 2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

### 3. Hoạt động kinh doanh chính

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Hoạt động thủy lợi phí bao gồm tưới tiêu, quản lý, bảo vệ, vận hành và cung cấp nước thô.

### 4. Ban lãnh đạo công ty

Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Chủ tịch

Ông Nguyễn Thái Hùng      Chủ tịch kiêm Giám đốc (Tái bổ nhiệm 01/01/2023)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Hùng      Giám đốc

Ông Đinh Tấn Thành      Phó Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/01/2023)

Ông Đinh Văn Mỹ      Phó Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/11/2022)

Ông Phạm Lạ      Phó Giám đốc

#### Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Minh Huyền      Kiểm soát viên không chuyên trách

### 5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 6 đến trang số 30 kèm theo.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

### 6. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty.

### 8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Nguyễn Thái Hùng**

**Chủ tịch kiêm Giám đốc**

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Số: 205.2022/2023/VACA-HANOI/BCKT-BCTC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022  
của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”), được lập tại ngày 31/3/2023, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## Vấn đề khác

Kiểm toán viên khác của doanh nghiệp kiểm toán khác đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 (phát hành Báo cáo kiểm toán ngày 31/3/2022). Kiểm toán viên này đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính nêu trên.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội**



**Bùi Ngô Liên – Giám đốc**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1006-2023-281-1*

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

**Ninh Đức Công – Kiểm toán viên**

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 5112-2020-281-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>55.271.731.390</b>	<b>62.566.227.289</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>47.672.060.172</b>	<b>51.679.585.714</b>
1. Tiền	111		47.672.060.172	51.679.585.714
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.323.488.547</b>	<b>10.559.024.445</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	6.152.268.052	6.225.125.966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	685.500.000	3.996.839.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	509.711.495	361.050.479
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.5	(23.991.000)	(23.991.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>214.797.132</b>	<b>277.853.220</b>
1. Hàng tồn kho	141		214.797.132	277.853.220
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>61.385.539</b>	<b>49.763.910</b>
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.7	61.385.539	49.763.910
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>2.923.223.534.992</b>	<b>2.931.826.508.717</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.910.352.476.992</b>	<b>2.924.805.623.717</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.910.352.476.992	2.924.805.623.717
- Nguyên giá	222		3.135.378.862.307	3.148.278.924.212
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.026.385.315)	(223.473.300.495)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	-	-
- Nguyên giá	228		109.646.000	109.646.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.646.000)	(109.646.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.726.058.000</b>	<b>6.871.134.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	12.726.058.000	6.871.134.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>145.000.000</b>	<b>149.751.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	145.000.000	149.751.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>2.978.495.266.382</b>	<b>2.994.392.736.006</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>29.801.424.762</b>	<b>34.915.052.854</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>29.724.249.762</b>	<b>34.915.052.854</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	13.308.910.435	17.735.233.551
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.7	194.618.361	172.006.057
3. Phải trả người lao động	314		11.080.102.886	1.463.788.194
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	31.706.000	10.562.677.898
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	955.267.396	1.267.150.438
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.153.644.684	3.714.196.716
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>77.175.000</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		77.175.000	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>	<b>5.15</b>	<b>2.948.693.841.620</b>	<b>2.959.477.683.152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.947.027.044.776</b>	<b>2.959.272.319.499</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.825.976.594.626	2.825.998.692.626
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.825.976.594.626	2.825.998.692.626
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		339.183.893	339.183.893
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.053.276.191	1.943.825.009
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(1.833.209.124)	(2.870.109.391)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		4.886.485.315	4.813.934.400
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		117.657.990.066	130.990.617.971
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.666.796.844</b>	<b>205.363.653</b>
1. Nguồn kinh phí	431		1.666.796.844	205.363.653
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.978.495.266.382</b>	<b>2.994.392.736.006</b>

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	65.743.819.802	65.612.396.654
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)</b>	10	6.1	65.743.819.802	65.612.396.654
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.327.317	21.890.618
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	20		65.742.492.485	65.590.506.036
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	58.520.200	42.926.042
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	60.468.424.914	60.381.215.802
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}</b>	30		5.332.587.771	5.252.216.276
11. Thu nhập khác	31	6.5	4.640.411	29.489.897
12. Chi phí khác	32	6.5	76.032.745	162.292.671
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40	6.5	(71.392.334)	(132.802.774)
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		5.261.195.437	5.119.413.502
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	374.710.122	305.479.102
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		4.886.485.315	4.813.934.400

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch kiêm Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Hà

Trần Thị Ngọc Hòa



Nguyễn Thái Hùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.261.195.437	5.119.413.502
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.553.084.820	1.777.545.175
- Các khoản dự phòng	03		-	19.441.000
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(58.520.200)	(42.926.042)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		6.755.760.057	6.873.473.635
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.223.914.269	(2.293.631.183)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		63.056.088	(32.406.971)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.580.706.925)	14.559.427.135
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.751.000	285.256.800
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(578.369.582)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		33.955.503.766	57.140.552.480
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.289.340.320)	(28.977.427.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.554.568.353	47.355.244.696
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(24.620.614.095)	(31.927.409.870)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		58.520.200	42.926.042
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.562.093.895)	(31.884.483.828)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.007.525.542)	15.470.760.868
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.1	51.679.585.714	36.208.824.846
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		47.672.060.172	51.679.585.714

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi Khánh Hòa (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty 100% vốn Nhà nước, được thành lập trên cơ sở hợp nhất các doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Khánh Hòa và Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Nam Khánh Hòa theo quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201793589 đăng ký lần đầu ngày 21/5/2018 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 04 ngày 14/02/2023 là 2.825.998.692.626 VND (*Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm hai mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm hai mươi sáu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH HOA IRRIGATION EXPLOITATION COMPANY LIMITED.

Tên Công ty viết tắt là: CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 190 người (tại ngày 31/12/2021 là 189 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- **Hoạt động dịch vụ trồng trọt.** Chi tiết: Quản lý, bảo vệ, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý: tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
- **Trồng rừng và chăm sóc rừng.** Chi tiết: Quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng;
- **Khai thác, xử lý và cung cấp nước.** Chi tiết: Khai thác tổng hợp nguồn nước trên hệ thống thủy lợi quản lý, cung cấp nước cho: Sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, nước sạch, du lịch, phát điện;
- **Xây dựng công trình công ích.** Chi tiết: Tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi trong phạm vi công ty quản lý.

Hoạt động chính của Công ty trong năm : Hoạt động công ích thủy lợi và cung cấp nước thô.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Nha Trang	Đường Bờ Sông - thôn Trung, xã Vĩnh Phương, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Đá Bàn	Thôn Ngọc Sơn, xã Ninh An, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Chi nhánh huyện Vạn Ninh	597 Hùng Vương, Thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Chi nhánh tu bổ, sửa chữa thường xuyên công trình Thủy Lợi	Quốc lộ 1a, Tổ dân phố Vạn Thiện, phường Ninh Đa, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Ranh	107 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Lợi, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cam Lâm	Suối Lau, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Diên Khánh	89 Trần Quý Cáp, Thị trấn Diên Khánh, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Ninh Hòa	Tổ dân phố Thanh Châu, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa - Văn phòng đại diện Cầu đôi	Phước Tuy 2, xã Diên Phước, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các hạng mục tài sản phục vụ quản lý: Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Đối với tài sản cố định hữu hình là hạ tầng thủy lợi: Công ty quản lý, sử dụng và trích hao mòn tài sản cố định theo hướng dẫn tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC ban hành ngày 17/8/2018 quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi.

Đối với các công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước hoặc theo hình thức đối tác công tư: chi phí khấu hao tài sản cố định được tính trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi bao gồm: phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, trang thiết bị, hệ thống thông tin quản lý vận hành và máy móc thiết bị quản lý dùng trong văn phòng.

Các tài sản cố định hữu hình phục vụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10
Tài sản khác	07 - 10

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Theo quy định tại khoản 6, Điều 07 của Thông tư số 73/2018/TT-BTC ngày 15/8/2018 của Bộ Tài chính, các tài sản sau đây của Công ty khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao:

- Tài sản là máy móc thiết bị, dây truyền sản xuất, tài sản được xây đúc bằng đất, xây đúc bằng bê tông của các công trình trực tiếp phục vụ tưới nước, tiêu nước, cấp nước (như hồ, đập, kênh, mương ...)
- Máy bơm nước từ 8.000 m<sup>3</sup>/giờ trở lên cùng với vật kiến trúc để sử dụng vận hành công trình.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán có thời gian khấu hao là 5 - 8 năm.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Chi phí xây dựng đơn giá bán:**

Chi phí xây dựng đơn giá bán phục vụ Công trình thủy lợi được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí lương theo năng suất người lao động và chi phí bảo trì thủy lợi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty phù hợp với Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu Cung cấp dịch vụ Công ích thủy lợi, doanh thu hoạt động cung cấp nước thô (dịch vụ thủy lợi khác) và Doanh thu bảo trì công trình thủy lợi.

**Doanh thu công ích thủy lợi**

Doanh thu công ích thủy lợi được xác định và tính toán dựa trên diện tích tưới nhân với đơn giá bán đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trong đó:

Diện tích tưới được xác định trên biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng có xác nhận của 4 bên bao gồm: Đơn vị sử dụng nước, đơn vị cung cấp nước, Ủy ban Nhân dân nơi cấp nước và Đại diện Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy Lợi Khánh Hòa.

Đơn giá bán được lấy theo Quyết định số 4026/QĐ-UBND tỉnh Khánh Hòa ngày 05/11/2021 về việc quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi từ các công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

***Doanh thu cung cấp nước thô (dịch vụ thủy lợi khác)***

Doanh thu bán nước thô (dịch vụ thủy lợi khác) được xác định và tính toán dựa trên sản lượng nước tiêu thụ hàng tháng, được xác định theo chỉ số đồng hồ nước đo được của khách hàng được xác định do đại diện Công ty và khách hàng tiến hành đo đạc và có biên bản xác nhận nhân với đơn giá tiền nước được ký kết giữa Công ty và đơn vị sử dụng. Đơn giá bán được áp dụng theo Quyết định số 4009/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành ngày 03/11/2021 về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác.

***Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi***

Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi được ghi nhận trên cơ sở dựa vào công tác kiểm tra các công trình do Công ty quản lý sau đó tập hợp và tổng hợp danh mục bảo trì và khái toán kinh phí bảo trì và gửi cho Sở nông nghiệp xem xét thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt doanh mục để thực hiện trong năm.

***Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh liên quan đến doanh thu công ích thủy lợi và cung cấp nước thô bao gồm các chi phí trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế của hoạt động dịch vụ tưới tiêu, tiêu nước, cày bừa đất, nạo vét kênh mương...theo quy định tại khoản 2, điều 8, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của các hoạt động còn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	233.942.371	487.201.223
Tiền gửi ngân hàng	47.438.117.801	51.192.384.491
<b>Tổng</b>	<b><u>47.672.060.172</u></b>	<b><u>51.679.585.714</u></b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần đường Việt Nam	4.677.750	6.019.650
DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung	6.500.000	6.500.000
Công ty TNHH Hải Đăng - thuê hồ Đồng Bò	104.305.637	104.305.637
Công ty Cổ phần Đô Thị Ninh Hòa	405.253.800	337.639.050
Công ty Cổ phần Dệt may Nha Trang	62.784.855	54.375.300
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương - Nhà máy nước Cam Lâm	691.740.000	351.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	1.226.175.000	1.454.355.000
Công ty Cổ phần KCN Suối Dầu	151.681.950	184.615.200
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	574.843.500	574.843.500
Sở Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Khánh Hòa	2.924.298.000	-
Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa	-	3.151.072.629
Các đối tượng khác	7.560	-
<b>Tổng</b>	<b><u>6.152.268.052</u></b>	<b><u>6.225.125.966</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Nhật Tùng	-	1.892.739.000
Công ty TNHH Tư Vấn & Xây Dựng Gia Lộc	-	1.419.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	383.000.000	383.000.000
Công ty Luật TNHH T&D	115.000.000	160.000.000
Các đối tượng khác	187.500.000	142.100.000
<b>Tổng</b>	<b>685.500.000</b>	<b>3.996.839.000</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Tạm ứng	259.906.000	-	135.906.000	-
Các công trình chống hạn chưa quyết toán (i)	158.462.000	-	158.462.000	-
Phải thu khác	91.343.495	-	66.682.479	-
<b>Tổng</b>	<b>509.711.495</b>	<b>-</b>	<b>361.050.479</b>	<b>-</b>

(i) Đây là khoản phải thu Ngân sách của Công các công trình chống hạn, Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có quyết toán của các công trình này.

**5.5 Nợ xấu**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung	6.500.000	-	6.500.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi và Cơ sở Hạ Tầng	17.491.000	-	17.491.000	-
<b>Tổng</b>	<b>23.991.000</b>	<b>-</b>	<b>23.991.000</b>	<b>-</b>

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
DNTN - Xí nghiệp nuôi trồng thủy sản Miền Trung	-	-	-	6.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy Lợi và Cơ sở Hạ Tầng	-	-	-	17.491.000
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.991.000</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	106.694.300	-	168.423.071	-
Thành phẩm	49.759.980	-	51.087.297	-
Hàng hóa	58.342.852	-	58.342.852	-
<b>Tổng</b>	<b>214.797.132</b>	<b>-</b>	<b>277.853.220</b>	<b>-</b>

**5.7 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

	Số phải nộp trong năm VND		Số đã nộp trong năm VND		31/12/2022 VND
	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND	31/12/2022 VND	
<b>Phải nộp</b>	<b>172.006.057</b>	<b>6.792.628.351</b>	<b>6.770.016.047</b>	<b>194.618.361</b>	
Thuế giá trị gia tăng	-	1.062.536.923	1.062.536.923	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	80.391.945	497.977.637	578.369.582	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	941.262.033	837.761.034	103.500.999	
Thuế tài nguyên	91.614.112	1.243.202.961	1.243.699.711	91.117.362	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	278.435.342	278.435.342	-	
Các loại thuế khác	-	2.769.213.455	2.769.213.455	-	
<b>Phải thu</b>	<b>49.763.910</b>	<b>13.668.249</b>	<b>25.289.878</b>	<b>61.385.539</b>	
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	22.455.041	5.559.380	-	16.895.661	
Thuế thu nhập cá nhân	4.598.869	4.598.869	-	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	25.289.878	25.289.878	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	22.710.000	3.510.000	-	19.200.000	

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài

thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	3.119.589.374.654	24.054.332.943	3.542.880.600	854.773.615	237.562.400	3.148.278.924.212
Tăng trong năm	18.548.014.095	-	-	-	-	18.548.014.095
Xây dựng cơ bản hoàn thành	18.548.014.095	-	-	-	-	18.548.014.095
Giảm trong năm	(31.448.076.000)	-	-	-	-	(31.448.076.000)
Giảm khác	(31.448.076.000)	-	-	-	-	(31.448.076.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>3.106.689.312.749</b>	<b>24.054.332.943</b>	<b>3.542.880.600</b>	<b>854.773.615</b>	<b>237.562.400</b>	<b>3.135.378.862.307</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	209.013.256.757	10.467.327.104	3.022.883.501	732.270.733	237.562.400	223.473.300.495
Tăng trong năm	-	1.262.672.022	250.437.810	39.974.988	-	1.553.084.820
Khấu hao trong năm	-	1.262.672.022	250.437.810	39.974.988	-	1.553.084.820
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>209.013.256.757</b>	<b>11.729.999.126</b>	<b>3.273.321.311</b>	<b>772.245.721</b>	<b>237.562.400</b>	<b>225.026.385.315</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2022	2.910.576.117.897	13.587.005.839	519.997.099	122.502.882	-	2.924.805.623.717
Số dư tại ngày 31/12/2022	2.897.676.055.992	12.324.333.817	269.559.289	82.527.894	-	2.910.352.476.992

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 5.478.510.398 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 2.942.784.921 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Phản mềm kế toán</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	109.646.000	109.646.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>109.646.000</u>	<u>109.646.000</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	109.646.000	109.646.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	<u>109.646.000</u>	<u>109.646.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số dư tại ngày 01/01/2022	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	-	-

*Trong đó:*

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 109.646.000 VND (tại ngày 01/01/2022 là: 109.646.000 VND).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tính toán dòng chảy, khả năng xả lũ (phía Nam) (i)	677.170.500	677.170.500
Lập phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình (phía Nam) (i)	2.803.157.000	2.803.157.000
Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Cam Ranh (phía Nam) (i)	973.810.000	973.810.000
Kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Suối Dầu (phía Nam) (i)	1.043.980.500	1.043.980.500
Hệ thống Thủy Lợi Hồ chứa nước Hoa Sơn (Kênh N21 và kênh N2)	247.327.000	247.327.000
Sửa chữa hư hỏng xi phông hồ Suối Hành	4.442.828.000	609.576.000
Sửa chữa Cầu Máng - Trạm bơm Vĩnh Phương	-	161.254.000
Lắp đặt đồng hồ đo nước thô tại NMC Cam Lâm -HCN Cam Ranh	996.086.000	354.859.000
Lắp đặt đồng hồ đo nước thô tại NMC Cam Phước Tây-HCN Tà Rục	1.541.699.000	-
<b>Tổng</b>	<b>12.726.058.000</b>	<b>6.871.134.000</b>

(i) Đây là các dự án dở dang của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi Nam Khánh Hòa trước khi được sát nhập. Hiện tại các Công trình này Công ty đang thực hiện trình lên cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý tài chính do các đối tượng liên quan đang thi hành án do vi phạm về luật quản lý tài sản công. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh sau khi có ý kiến chính thức của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**5.11 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí xây dựng giá dịch vụ thủy lợi khác	-	149.751.000
Chi phí tố tụng	145.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>145.000.000</b>	<b>149.751.000</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Xây Dựng Khánh Anh	631.143.000	631.143.000	1.091.080.000	1.091.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình Tây Đô	-	-	271.445.000	271.445.000
DNTN Xí nghiệp xây dựng thủy Lợi Diên Khánh	-	-	171.384.000	171.384.000
Chi nhánh tu bổ, Sửa chữa thường xuyên Công trình thủy lợi	155.659.000	155.659.000	1.026.690.410	1.026.690.410
Công ty TNHH MTV Khánh Lâm	1.975.815.000	1.975.815.000	2.497.610.000	2.497.610.000
Công ty TNHH Xây Dựng Thành Danh	337.202.000	337.202.000	3.325.445.000	3.325.445.000
Công ty TNHH Tư Vấn & Xây Dựng Gia Lộc	1.645.340.000	1.645.340.000	1.762.009.000	1.762.009.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn & Xây Dựng Giao Thông - Thủy Lợi 70	133.613.000	133.613.000	617.216.589	617.216.589
Công ty TNHH MTV Thương Mại Đầu Tư Xây Dựng Khánh Hòa	-	-	1.613.519.000	1.613.519.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây Dựng và dịch vụ 18	180.032.000	180.032.000	611.072.380	611.072.380
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Phú Tài Lợi	1.510.751.000	1.510.751.000	41.449.000	41.449.000
Công ty TNHH Tích hợp Công nghệ Hưng Thịnh	803.628.000	803.628.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ B.A.C.A.U	796.614.000	796.614.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	1.084.850.000	1.084.850.000	-	-
Các đối tượng còn lại	4.054.263.435	4.054.263.435	4.706.313.172	4.706.313.172
<b>Tổng</b>	<b>13.308.910.435</b>	<b>13.308.910.435</b>	<b>17.735.233.551</b>	<b>17.735.233.551</b>

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG  
TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trích trước chi phí bảo trì trong giá thủy lợi phí	-	1.079.532.690
Trích trước chi phí lương đối với phần công việc đã thực hiện trong giá thủy lợi phí	-	9.483.145.208
Trích trước chi phí khác	31.706.000	-
<b>Tổng</b>	<b>31.706.000</b>	<b>10.562.677.898</b>

**5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	132.643.554	65.670.944
Công trình HT cấp nước thô Dệt May-Võ Ngọc Lệ (i)	514.513.767	514.513.767
Công trình kênh 4 Tổng - đập dâng Hòa Huỳnh	-	44.750.000
Công trình kênh 5 đập dâng Sông Cái - Đoàn Phi Dũng	-	46.580.000
Tiền lương và tiền ăn ca	-	93.078.640
Các khoản phải trả, phải nộp khác	308.110.075	502.557.087
<b>Tổng</b>	<b>955.267.396</b>	<b>1.267.150.438</b>

(i) Là khoản phải trả tiền bảo hành Công trình cho các cá nhân tự thực hiện, các đối tượng này hiện đang thi hành án nên sẽ được xử lý theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Nguồn kinh phí và quỹ khác	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.826.059.964.269	339.183.893	3.665.645	144.746.366.220	(2.260.487.330)	2.968.888.692.697
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	4.813.934.400	-	-	4.813.934.400
Nguồn vốn đầu tư XDCB được cấp	-	-	-	27.555.413.500	-	27.555.413.500
Tiền bồi thường làm tình lộ 2	-	-	-	119.289.980	-	119.289.980
Vốn ngân sách cấp từ thùy lợi phí	-	-	-	-	29.465.849.000	29.465.849.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020	-	-	(2.073.775.036)	-	-	(2.073.775.036)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021	-	-	(800.000.000)	-	-	(800.000.000)
Sử dụng vốn Ngân sách cấp từ thùy lợi phí	-	-	-	-	(26.999.998.017)	(26.999.998.017)
Thanh lý tài sản	(61.271.643)	-	-	-	-	(61.271.643)
Giảm vốn không hình thành tài sản cố định	-	-	-	(41.430.451.729)	-	(41.430.451.729)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>2.825.998.692.626</b>	<b>339.183.893</b>	<b>1.943.825.009</b>	<b>130.990.617.971</b>	<b>205.363.653</b>	<b>2.959.477.683.152</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>2.825.998.692.626</b>	<b>339.183.893</b>	<b>1.943.825.009</b>	<b>130.990.617.971</b>	<b>205.363.653</b>	<b>2.959.477.683.152</b>
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	4.886.485.315	-	-	4.886.485.315
Nguồn vốn đầu tư XDCB được cấp	-	-	-	18.311.026.095	-	18.311.026.095
Giảm vốn không hình thành tài sản cố định	-	-	-	(31.643.654.000)	-	(31.643.654.000)
Vốn ngân sách cấp từ thùy lợi phí	-	-	-	-	15.644.477.671	15.644.477.671
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 (i)	-	-	(3.445.743.808)	-	-	(3.445.743.808)
Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(158.022.810)	-	-	(158.022.810)
Quyết toán vốn đầu tư	(22.098.000)	-	-	-	-	(22.098.000)
Sử dụng vốn Ngân sách cấp từ thùy lợi phí	-	-	-	-	(14.183.044.480)	(14.183.044.480)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2022	-	-	(100.000.000)	-	-	(100.000.000)
Giảm LNST theo TB Kiểm toán nhà nước (ii)	-	-	(73.267.515)	-	-	(73.267.515)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>2.825.976.594.626</b>	<b>339.183.893</b>	<b>3.053.276.191</b>	<b>117.657.990.066</b>	<b>1.666.796.844</b>	<b>2.948.693.841.620</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHÁNH HÒA**

111 Trần Quý Cáp, phường Phương Sài  
thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận và mức trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.445.743.808 VND.

Quỹ thưởng người quản lý: 158.022.810 VND.

(ii) Giám Lợi nhuận sau thuế Theo thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 84/TB-KV VIII ngày 01/8/2022.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

Chủ sở hữu	Tại ngày 31/12/2022		Tại ngày 01/01/2022	
	Tỷ lệ	Giá trị VND	Tỷ lệ	Giá trị VND
Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa	100%	2.825.976.594.626	100%	2.825.998.692.626
<b>Tổng</b>	<b>100%</b>	<b>2.825.976.594.626</b>	<b>100%</b>	<b>2.825.998.692.626</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu cung cấp nước thô	21.292.776.002	21.156.145.202
Doanh thu thủy lợi phí	30.266.227.000	30.151.070.646
Doanh thu bảo trì kết cấu hạ tầng thủy lợi	14.183.044.480	14.305.180.806
Doanh thu bán thành phẩm	1.772.320	-
<b>Tổng</b>	<b>65.743.819.802</b>	<b>65.612.396.654</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Xử lý hao hụt hàng tồn kho	-	21.890.618
Giá vốn bán thành phẩm	1.327.317	-
<b>Tổng</b>	<b>1.327.317</b>	<b>21.890.618</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58.520.200	42.926.042
<b>Tổng</b>	<b>58.520.200</b>	<b>42.926.042</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí cho công tác vận hành	32.950.405.352	33.521.378.249
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.553.084.820	1.777.545.175
Thuế phí và lệ phí	1.725.147.584	1.543.134.820
Chi phí dự phòng	-	19.441.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	320.046.019	435.546.033
Chi phí bảo trì công trình thủy lợi - nguồn hỗ trợ	17.208.044.480	14.305.180.806
Chi phí khác bằng tiền	6.711.696.659	8.778.989.719
<b>Tổng</b>	<b>60.468.424.914</b>	<b>60.381.215.802</b>

**6.5 Lợi nhuận khác**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Các khoản khác	4.640.411	29.489.897
<b>Tổng</b>	<b>4.640.411</b>	<b>29.489.897</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	11.748.627
Các khoản khác	76.032.745	150.544.044
<b>Tổng</b>	<b>76.032.745</b>	<b>162.292.671</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(71.392.334)</b>	<b>(132.802.774)</b>

**6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.261.195.437</b>	<b>5.119.413.502</b>
<b>2. Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>49.403.784</b>	<b>11.748.627</b>
Chi phí không hợp lý	49.403.784	11.748.627
<b>3. Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>3.437.048.611</b>	<b>3.603.766.618</b>
Thu nhập từ hoạt động tưới tiêu, dịch vụ thủy nông được miễn thuế	3.437.048.611	3.603.766.618
<b>4. Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.873.550.610</b>	<b>1.527.395.511</b>
<b>5. Thu nhập tính thuế</b>	<b>1.873.550.610</b>	<b>1.527.395.511</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>6. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>374.710.122</b>	<b>305.479.102</b>
Thuế TNDN phải nộp theo biên bản KTNN (i)	123.267.515	-
<b>7. Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>497.977.637</b>	<b>305.479.102</b>

(i) Theo thông báo kết quả kiểm toán nhà nước số 84/TB-KV VIII ngày 01/8/2022.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Thu nhập của Viên chức quản lý Công ty

Bên liên quan	Tính chất	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Viên chức quản lý Công ty	Lương, thưởng và thù lao	1.332.652.793	1.385.365.000

**7.2 Số liệu so sánh**

Thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác.

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Người lập

Nguyễn Thị Phương Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Ngọc Hòa

Chủ tịch kiêm Giám đốc



Nguyễn Thái Hùng